

# IELTS INSIGHTS

Your companion on your IELTS journey

**VOL.2 | July 2023**

- 1 Phân tích cách lên idea & chống bí ý khi phát triển bài
- 2 Xử lý khó khăn paraphrasing & vocabulary theo topics
- 3 Chấm điểm chi tiết của examiner

## CHỈ CÓ 1 IDEA PHẢI LÀM SAO?

Hướng dẫn cách viết full body một cách mạch lạc chỉ với 1 supporting idea

### ELDER CARE

Should it be made **legally** mandatory for younger family members to take care of older ones?

#### INTERNATIONAL COOPERATION

Its main benefit is on **enviromental protection** or the **world of business**?

#### GOVERNMENT SPENDING

Should it be on **the arts** or **education and healthcare**?



# July

## LỜI TỰA

Chào mừng bạn đến Tạp chí IELTS Insights, số tháng 7/2023. Tạp chí được biên soạn bởi team academic của trung tâm IELTS 1984 và được ra mắt hàng tháng tại group Facebook 'Cùng học IELTS bản chất', các bạn join group để cùng đón đọc số mới nhất nhé.

Lý do lớn nhất cho sự ra đời của IELTS Insights là mang đến người học một góc nhìn đơn giản hơn, rõ ràng hơn về kì thi IELTS. Với phần đông học sinh, các bạn thường đặt mục tiêu **quanh mức 6.0-7.0**, và đây là một mục tiêu hoàn toàn khả thi với phần lớn các bạn, nếu mình học đúng phương pháp và thực sự quyết tâm. Chúng mình rất mong muốn **IELTS Insights sẽ là người bạn hữu ích, luôn đồng hành cùng mọi người** trên hành trình này nha.

Trong mỗi số, chúng mình sẽ cùng nhau lấy các đề IELTS vừa mới thi trong tháng đó, **phân tích thật chi tiết về cách lên idea, cách phát triển ý, gom data cho từng body paragraph, paraphrasing...** và sau đó sẽ cùng viết một bài sample dựa trên insights mình đã phân tích phía trên nha. Đồng thời, một số bài cũng sẽ được gửi cho ex-examiner chấm, và chúng mình để ở phía cuối cùng nha.

Việc ra mắt tạp chí hàng tháng đòi hỏi nỗ lực biên soạn rất lớn từ các bạn giáo viên ở trung tâm, chúng mình cố gắng để mang đến các bạn góc nhìn rõ ràng hơn về lập luận và phát triển ý trong bài viết, mình sẽ nhìn nhận kì thi một cách logic hơn, hiểu cách để học và chuẩn bị tốt hơn cho kì thi.

**Hi vọng cuốn tạp chí này sẽ là người bạn đồng hành tin cậy cùng mọi người trong quá trình ôn tập.**

Trong quá trình biên soạn, chắc chắn sẽ những chỗ chưa hoàn hảo cần ý kiến đóng góp của mọi người. Mọi ý kiến đóng góp, mọi người inbox về fanpage trung tâm IELTS 1984 ([www.facebook.com/IELTS1984Official](https://www.facebook.com/IELTS1984Official)) giúp chúng mình nhé.



# MỤC LỤC

Task 1	5/6/2023	6
Task 1	9/6/2023	8
Task 1	15/6/2023	10
Task 2	3/6/2023	12
Task 2	5/6/2023	14
Task 2	9/6/2023	16
Comment chi tiết của ex-examiner		18

# Chạy đua điểm số IELTS

Là một trung tâm dạy tiếng Anh và ôn thi IELTS, hàng ngày chúng mình tiếp xúc với rất nhiều học viên để lắng nghe mục tiêu, mong muốn của các bạn. Gần đây, mọi người có xu hướng đặt mục tiêu điểm thi ngày càng cao và đôi khi mục tiêu cao một cách... hơi vô lý luôn.

Chúng mình xin được chia sẻ suy nghĩ về việc này. Đầu tiên là, bằng **IELTS được sinh ra để đánh giá khả năng sử dụng tiếng Anh** của thí sinh. Và tiếng Anh là một **hành trình học kéo dài trong nhiều năm**. Đây giống như một cuộc chạy marathon, đo sức bền, và mình cần học đều đặn qua nhiều năm tháng mới 'thực sự giỏi' được. Cũng giống như việc tập thể dục, mình cần thời gian để cơ thể cải thiện, thì trình độ tiếng Anh của mình cũng cần thời gian để tiến bộ chứ khó có thể cải thiện ngay lập tức.

Đồng thời, nếu mình ôn luyện, giải đề, học nhiều cụm hay và may mắn có điểm, nhưng mình thực sự không giỏi như điểm số phản ánh, thì dù điểm cao cũng không giúp được nhiều. **Sẽ rất buồn nếu IELTS 7.5-8.0 mà mình còn khó khăn trong việc đọc sách, báo tiếng Anh, không tóm được ý chính**, hoặc gặp người bản xứ không thể giao tiếp hiệu quả. Bên cạnh đó, với những bạn học sinh của IELTS 1984 dùng điểm IELTS để xin học bổng (Vin Uni, học bổng PhD ở Mỹ...). Các bạn kể lại rằng hồ sơ đã chuẩn bị đủ, xác nhận học bổng cũng đã được duyệt, chỉ cần IELTS 6.5 để hoàn thiện hồ sơ nhập học (điểm IELTS là để thỏa điều kiện 'cần' mà thôi), chứ IELTS không phải là điều kiện tiên quyết để cấp học bổng, vì học bổng đã được cấp trước đó rồi.

Đồng thời, việc **chạy đua điểm còn làm cho mình thấy kiệt sức**. Bạn bè mình có thể học IELTS ít nhưng điểm cao, là vì bạn đã học 'tiếng Anh' rất lâu rồi, nên bạn cứng sẵn nên bạn chỉ cần hiểu format đề thi là có thể làm tốt. Còn nếu mình nền chưa cứng, nhưng cũng mong muốn có điểm cao nhanh chóng, mình nỗ lực quá sức mà vẫn không đạt kết quả như bạn bè, thì sẽ sẽ vô cùng mệt mỏi và kiệt sức.

Với IELTS 1984 chúng mình, **mọi nỗ lực đều đáng quý như nhau**, không phân biệt điểm cao hay thấp. Chúng mình vô cùng trân quý kết quả của 1 bạn học từ lớp nền (lớp ROOT) lên điểm IELTS 6.5 sau 9-10 tháng. Tất nhiên chúng mình rất vui nếu các bạn học sinh báo điểm 7.5-8.0, **nhưng chúng mình cũng vui không kém nếu các bạn nền chưa giỏi, mà vẫn nỗ lực để đạt 6.0-6.5 sau thời gian học tại IELTS 1984**. Các bạn hoàn toàn có quyền tự hào về điểm IELTS 6.0-6.5-7.0. Nếu nền mình yếu, những band điểm này đã phản ánh cho nỗ lực vượt khó vô cùng lớn trong học tập. Và mình tự hào về nỗ lực, chứ không phải chỉ có điểm cao mới xứng đáng được khen ngợi.

July

Cuối cùng, thành công của mình là tổng thể cân bằng của rất nhiều kỹ năng. **Ngoài tiếng Anh, mình còn...tiếng Hoa, học giao tiếp, tập thể lực, kỹ năng quản lý thời gian, khả năng chịu đựng áp lực...** Chúng mình có rất nhiều thứ để học và cải thiện bản thân chứ không chỉ mỗi IELTS hay tiếng Anh nói chung. Điểm IELTS cao vượt trội khả năng cao sẽ không phải là phép màu, không phải là 1 tấm vé thay đổi cuộc đời...



Bản thân mình là giáo viên và có IELTS 9.0 rồi, nhưng số điểm này không thay đổi cuộc sống mình bao nhiêu cả :( Kể cả việc đi dạy, mình vẫn là thầy Khoa như vậy thôi, vẫn miệt mài chuẩn bị bài giảng kỹ càng trước khi dạy, vẫn học, luyện tiếng Anh, không có gì khác biệt nhiều. Vậy nên, mình cùng nhau nỗ lực nhé mọi người, đừng quá cố gắng đạt những mục tiêu cao quá sức nha, sẽ làm mình thêm mệt mỏi mà thôi. Mọi nỗ lực đều đáng quý như nhau, chúng mình hãy tự hào vì luôn nỗ lực đều mỗi ngày nha.

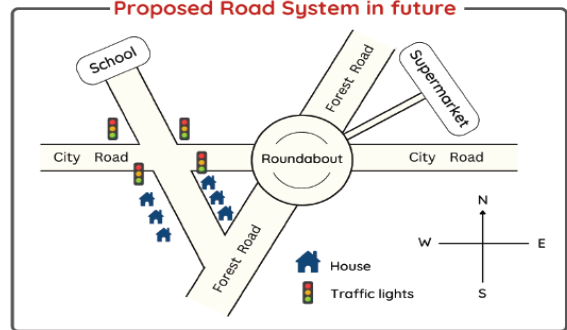
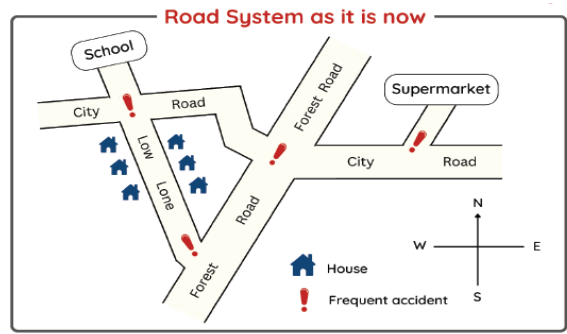
--- Mình là Khoa, giáo viên tại IELTS 1984.  
Chúc mọi người có nhiều niềm vui và luôn giữ được quyết tâm trên con đường học tập và làm việc nhé. ---



# Task 1

5/6/2023

The maps show a road system as it is now and the proposed changes in future to reduce the number of accidents. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.



## DISCUSSION

### 1 Idea cho overview

Bài này có 2 maps, dùng để chỉ ra những thay đổi về hệ thống giao thông để giảm tai nạn giao thông. Mọi người lưu ý đọc kĩ đề nhé, người ta thay đổi vì mục đích giảm tai nạn, nên mình phải để cập để việc này xuyên suốt bài.

Quan sát vào Map hiện tại, mình thấy có 4 vị trí hay xảy ra tai nạn, đó đều là những ngã 3 và ngã 4, và người ta sẽ upgrade hạ tầng để giải quyết những chỗ này.

Overview dạng map rất là đơn giản, thường mình sẽ nói thay đổi lớn nhất nào sẽ xảy ra, cụ thể trong bài này là: chỉnh sửa đường City Road và xây thêm cơ sở vật chất giao thông (roundabout, traffic lights).

### 2 Cách phân 2 body

Dạng map thường có rất nhiều cách để phân body.

+ **Cách 1:** mỗi body mình viết 1 map.

+ **Cách 2:** body 1 mình tả 1 phân khu (ví dụ nửa trên của map) và viết cho cả 2 map, body 2 mình tả phần còn lại của cả 2 map. Với bài này, mình sẽ chọn cách 2 (đây cũng là cách mà chúng mình rất thường dùng).

Mình chia map thành 2 phân khu như thế nào cũng được cả, ở đây có 4 điểm xảy ra tai nạn thì phân làm sao cho body 1 có 2 điểm, body 2 có 2 điểm là được.

Trong bài sample, ở body 1 chúng mình mô tả sự thay đổi diễn ra ở khu vực bên trái của đường Forest Road [khu vực ô màu đỏ]. Body 2 sẽ tả sự thay đổi diễn ra trên đường Forest Road cũng như bên phải của đường này [khu vực ô màu xanh].

### 3 Cách lần lượt tả từng câu

**Body 1:** Ở bên trái đường Forest Road, mình đề cập đầu tiên ở ngã tư giữa City Road và Low Lane, sẽ có traffic lights, và mình đừng quên mục đích tại sao có traffic lights nhé => là để đi đến 'school' an toàn hơn.

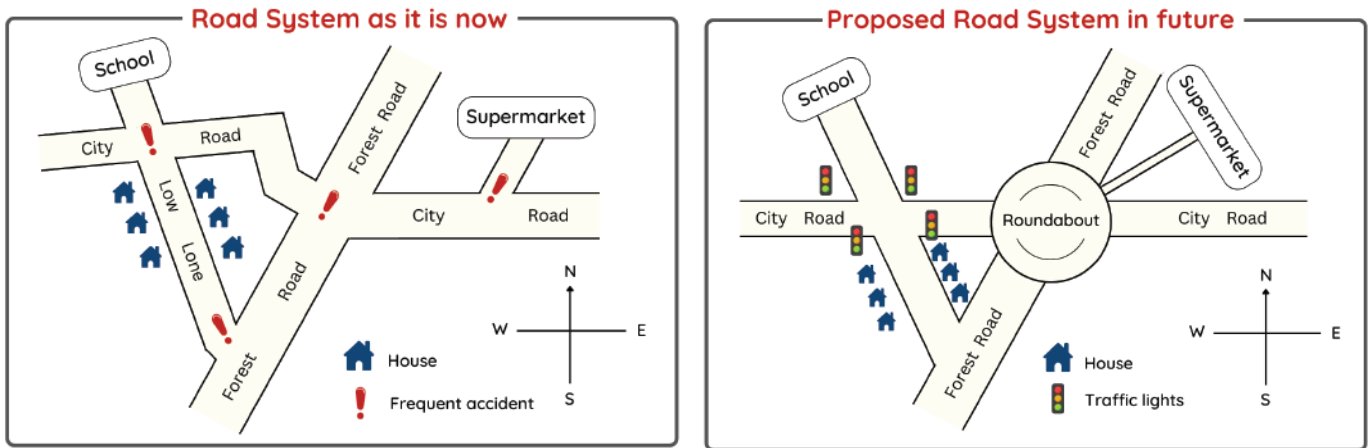
Tiếp tục mình nói người ta 'bẻ thẳng' (straighten) đường City Road ra, để loại bỏ các khúc cua (bends). Cuối cùng, phần thắt cổ chai (bottleneck) ở cuối đường Low Lane sẽ được mở rộng => giúp cho người dân 2 bên Low Lane giảm tai nạn.

**Body 2:** Đầu tiên mình tả Forest Road, hiển nhiên mình phải đề cập đến cái roundabout trước rồi ha, nó quá rõ ràng. Tiếp theo mình sẽ tả đường nhỏ, rẽ nhánh (branch off) từ roundabout đi vào supermarket, để tránh nơi dễ tai nạn (accident-prone) trên City Road.

### 4 Paraphrasing

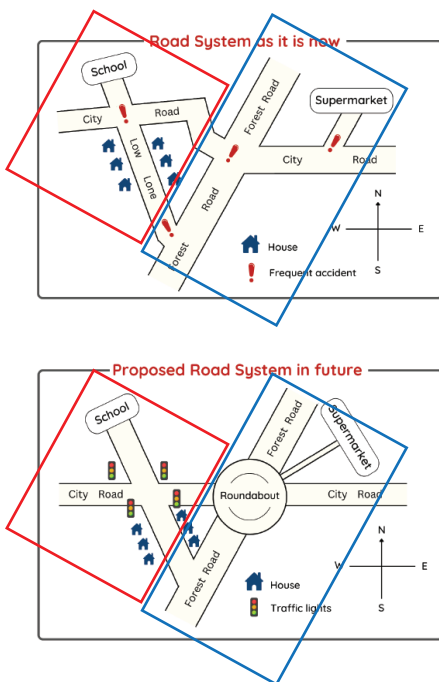
Với bài này, mục tiêu của những đề xuất thay đổi là để làm giảm tai nạn giao thông hay gia tăng an toàn cho người tham gia giao thông. Vì vậy, chúng ta cần một số cụm từ với ý nghĩa "gia tăng an toàn".

- Reduce the number of accidents: giảm số lượng tai nạn
- Improve road safety: tăng an toàn cho người lái xe
- Make access to the school safer: khiến việc tới trường an toàn hơn
- Increase the safety of residents: gia tăng sự an toàn của người dân



## 5 Vocabulary

- **Lắp đèn giao thông:** install + traffic lights
- **Loại bỏ những khúc cua:** eliminate sharp bends
- **Rẽ nhánh:** branch off (từ này mình cũng hay gặp trong Listening section 2, khi nghe dạng Maps)
- **Nơi 2 đường giao nhau:** ... where X & Y intersect
- **Accident-prone route:** cung đường hay xảy ra tai nạn



## Task 1 5/6/2023

The maps show a road system as it is now and the proposed changes in future to reduce the number of accidents. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

### SAMPLE

#### Note

**vocabulary** | **paraphrasing**

The maps give information about future changes that are proposed to a local road system to **improve road safety**.

Overall, **the proposed changes will entail** the restructuring of City Road and the construction of traffic solutions, including traffic lights and a roundabout.

Looking first at the northwestern side, at the intersection between City Road and Low Lane, where accidents happen very frequently, a set of 4 **traffic lights will be installed**, intended to **make access to the school safer**. Furthermore, City Road will be straightened to **eliminate its sharp bends**. At the south end of Low Lane, the current bottleneck is expected to be widened to **increase the safety of residents** living on both sides of the lane, which is currently at risk due to the **high frequency of traffic incidents** there.

A roundabout will be constructed where **City Road and Forest Road intersect** to better regulate the flow of traffic. Finally, shoppers will be able to access the supermarket from **a new purpose-built road branching off** of the roundabout, instead of the current **accident-prone route** from City Road. (179 words)

# Task 1

9/6/2023

year	Religious marriage	Civil marriage	The average age of bride	The average age of bridegroom
1960	25,000	8,000	21	24
1970	28,000	12,000	23	25
1980	50,000	16,000	25	27
1990	32,000	23,000	27	30
2000	34,000	40,000	30	32

The table below gives information about the situation of marriage and age from 1960 to 2000 in Australia. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant

## DISCUSSION

### 1 Idea cho overview

Table này vừa có **dữ liệu qua thời gian**, và **mỗi năm lại có nhiều dữ liệu con**, vậy nên theo đúng logic thường gặp, mình sẽ xét 2 thứ trong overview:

1. Trend chung của table: ở type of marriage thì mình thấy cột civil **tăng đều**, còn cột religious thì tăng + **đạt đỉnh (năm 1980) rồi giảm**. Ở mục tuổi, mình thấy ở cả 2 giới người ta đều **cưới ở độ tuổi trẻ hơn**.

2. Về lớn nhất/nhỏ nhất: mình không thấy có gì đặc biệt để đưa vào overview.

### 2 Cách phân 2 body

Bài này có lẽ đơn giản nhất thì mình phân body 1 theo type of marriage (cột 2 & 3) và body 2 theo the average age when getting married (cột 4 & 5).

Mình cũng có thể phân theo thời gian nha, body 1 phân từ 1960 đến 1980 chẳng hạn, body 2 là 1990 và 2000. Chúng mình không chọn cách này vì **ngại việc lặp từ khi mô tả 'religious marriage' 'civil marriage'**, và hai là bên phần average age, số liệu cho cả 2 giới đều là **'tăng dần đều'** trong toàn bộ quá trình, nên mình gom hết cả 5 năm vào tả 1 lần cho đơn giản.

### 3 Cách lần lượt tả từng câu

Mọi người nhìn đây là table, nhưng mình tưởng tượng là nếu mình visualize data trong bảng này, thì sẽ giống cái gì? Nếu mình vẽ đồ thị, **mình sẽ vẽ ra một cái line graph đúng không?** Do bản chất nó chính là line graph thôi, nên mình tuân theo nguyên tắc tả line thường gặp, sẽ tả **năm đầu + thời gian còn lại**.

Khi tả thời gian còn lại, những thông tin quan trọng mình có thể đưa vào bài là: **đỉnh/ đáy/ thời điểm line này surpass (vượt qua) line kia/ và dữ liệu năm cuối**. Cụ thể:

**Body 1:** Câu 1 mình tả dữ liệu năm đầu của religious marriage và civil marriage (25,000, hơn gấp 3 lần 8,000). **Tiếp theo mình tả religious marriage đạt đỉnh 50,000** vào năm 1980 và giảm mạnh trong thời gian còn lại. **Civil marriage thì tăng đều đến 1990**, và **tăng mạnh** vào năm cuối, vượt qua religious marriage.

**Body 2:** Mình tả tuổi trung bình của nữ và nam trong năm đầu 1960 (21 và 24). Phần sau thì rất đơn giản, mình nói là tuổi trung bình tăng từ 1 đến 3 tuổi trong mỗi 10 năm, và cho số liệu năm cuối.

### 4 Paraphrasing

Ở bài này mình sẽ cần paraphrase từ 'cưới' / loại hình đám cưới / độ tuổi trung bình khi làm đám cưới.

- Để diễn đạt ý 'cưới', mình có thể dùng 'get married' hoặc dùng cụm 'do so' nếu phía trước đã nói đến 'get married'.
- Để tránh lặp từ 'marriage' thì nếu phía trước đã dùng 'religious marriages' thì phía sau mình dùng 'civil ones' nha.

=> **Lưu ý:** 'do so' và 'one' các bạn dùng 1-2 lần trong bài, không lạm dụng nhé (tương tự cho former/latter), và đại từ 'one' trở đến 'danh từ đếm được' thôi nha (marriage(s) ở đây là countable noun)



year	Religious marriage	Civil marriage	The average age of bride	The average age of bridegroom
1960	25,000	8,000	21	24
1970	28,000	12,000	23	25
1980	50,000	16,000	25	27
1990	32,000	23,000	27	30
2000	34,000	40,000	30	32

The table below gives information about marriages in Australia from 1960 to 2000

## → Paraphrasing

Với cụm 'độ tuổi khi làm đám cưới', mình có thể diễn đạt là: average age at the time of marriage // get married when they are + tuổi // the average age when getting married.

## 5 Vocabulary

- **Đạt đỉnh:** reach a peak of + data
- **Giảm mạnh về mức nào đó:** plunge to + data
- **X vượt qua Y:** surpass sth

# Task 1 9/6/2023

The table below gives information about the situation of marriage and age from 1960 to 2000 in Australia. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant

## SAMPLE

### Note

vocabulary | paraphrasing

The table illustrates changes in the **average age at the time of marriage** for Australian men and women, as well as the changes in popularity between religious and civil marriages.

Overall, partners of both genders are choosing to **get married at a later age** over the 4 decades shown. Civil marriages have gained in popularity, while the numbers for religious marriages peaked and then declined.

Considering first the numbers of each type of marriage, in 1960 there were 25,000 religious marriages in Australia, more than triple the number of **civil ones**, which stood at only 8,000. Thereafter, religious marriage numbers surged, **reaching a peak of** 50,000 in 1980, before **plunging to** 32,000 and recovering slightly to 34,000 at the end of the period. On the other hand, **a consistent upward trend was observed in** civil marriages, with the annual total gradually rising to 23,000 in 1990, before rising more sharply to 40,000 in the final year, **surpassing** religious marriages **for the first time**.

Regarding the average age at the time of marriage, in 1960, Australian men typically **got married when they were** 24, three years older than their female counterparts. **An increase of one to three years per decade was subsequently observed in the average age when getting married** of both sexes, with men and women **doing so** at 32 and 30, respectively, in the final year. (227 words)

# Task 1

15/6/2023

## DISCUSSION

### 1 Idea cho overview

Thường trong **overview của line** mình sẽ để ý đến:

1. **Trend chung** của các line (bài này mỗi line... một kiểu, nên mình đành phải **tả cả 3** xu hướng là tăng/giảm/đi ngang trong overview luôn vậy).

2. Thay đổi lớn nhất diễn ra ở line nào (rất rõ ràng là **line của 'rugby'**)

### 2 Cách phân 2 body

Với line graph thì nhìn chung mình có 2 cách phân là

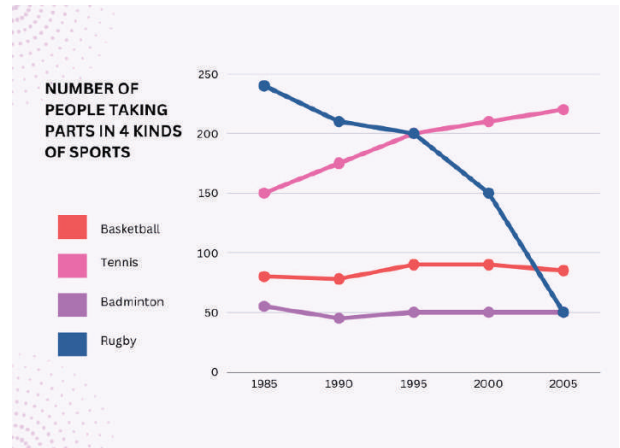
+ **Cách 1:** Phân theo **khoảng thời gian** (ví dụ trong body 1 mình tả từ 1985 đến 1995 => tả cho cả 4 lines, và trong body 2 tả từ 1996 đến 2005 cho cả 4 line). Riêng chúng mình thì thường không chọn cách này, vì nó hơi 'random', mỗi đề mỗi kiểu, không tạo được 1 thói quen phân tích chart áp dụng cho tất cả các đề.

+ **Cách 2: Phân theo line**, body 1 mình chọn 2 lines để tả cho cả quãng thời gian, body 2 thì tả các line còn lại cho cả quãng thời gian.

=> Ở body 1 chúng mình sẽ gom line 'tennis' và 'rugby' vì 2 line này có xu hướng rõ ràng (1 lên và 1 xuống). Ở body 2 thì tả 2 line còn lại, nhìn chung là 'stable'.

### 3 Cách lần lượt tả từng câu

1. Thông thường, cách đơn giản nhất là: tả năm đầu của các line, so sánh dữ liệu năm đầu; sau đó mình tả phần còn lại (bạn lưu ý những từ nối như thereafter/ subsequently cho cách viết này nhé).



The graph shows the number of people taking parts in 4 kinds of sports in a particular region between 1985 and 2005. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant

2. Những thông tin quan trọng cho line là: **năm đầu / năm cuối / đỉnh / đáy / khi nào mà line X nó vượt lên line Y để trở nên cao nhất / trở nên thấp nhất.**

=> Ví dụ trong bài này: Thông tin quan trọng với line 'rugby' là giảm nhẹ trong 10 năm đầu, sau đó giảm 'mạnh'.

**Body 1:** Mình lần lượt tả năm đầu của Rugby và Tennis, sau đó mình tả line Rugby (từ 1985 đến 1995, giảm nhẹ, và 1996 đến 2005, giảm mạnh). Đến lượt tả Tennis thì mình nhớ nói line 'Tennis' nó '**ngược**' với Rugby nha, theo xu hướng đi lên.

**Body 2:** Mình cũng lần lượt tả năm đầu của Basketball và Badminton. Sau đó mình tả trong 10 năm tiếp theo của 2 line (1 tăng và 1 giảm). Câu cuối cùng, mình nói cả 2 line đều đi ngang trong thời gian còn lại (bạn nhớ thêm adverb 'roughly' vào nhé, gần như là đi ngang thôi, không phải 100%).

### 4 Paraphrasing

Một năng lực rất quan trọng của task 1 là: mình cần luyện **khả năng diễn tả ý nghĩa của con số ra**. Đây là key để paraphrase trong Task 1. Nếu mình không quen 'diễn đạt ý nghĩa' của con số ra, mình sẽ liên tục lặp cấu trúc

con số X + đứng mở mức nào đó  
hoặc con số X + cao/thấp nhất



## → Paraphrasing

### VÍ DỤ:

Thay vì nói line tennis 'đi lên', mình có thể diễn đạt ý nghĩa ra, line Tennis đi lên nghĩa là '**môn tennis trở nên phổ biến hơn**', môn tennis có nhiều người tham gia hơn

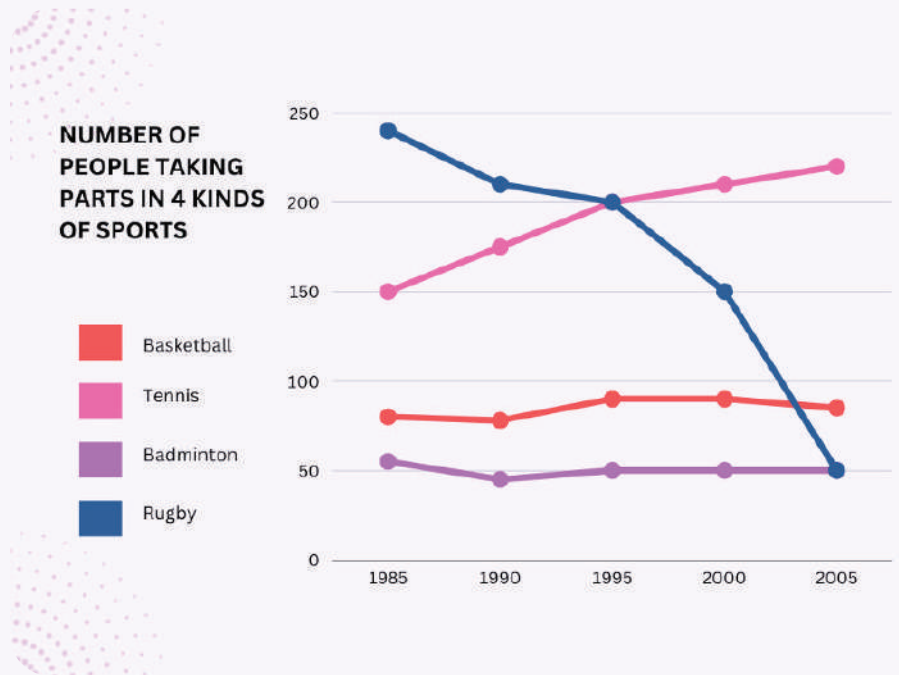
Lưu ý: cách diễn đạt ý nghĩa ra giúp mình tránh lặp cấu trúc. Tuy nhiên, việc 'tả ý nghĩa' dễ đi quá giới hạn, mình tả 'lố' quá thì sẽ thành ra mình đưa quan điểm cá nhân vô bài, các bạn 'diễn đạt' một cách chừng mực thôi nha.

Một cụm cũng hay gặp trong bài là 'số lượng người chơi', 'chơi môn thể thao':

- Engage in/ participate in / play + môn sport
- The number of people playing rugby / the participant numbers for rugby / the number of individuals engaging in rugby / X individuals played rugby

## 5 Vocabulary

- Line X ngược xu hướng với line Y: in stark contrast to ...
- Trải qua một sự tăng/giảm: undergo/experience + an increase/a decrease in sth
- Số X cao hơn số Y: X outnumbers Y



# Task 1 15/6/2023

The graph shows the number of people taking parts in 4 kinds of sports in a particular region between 1985 and 2005. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant

## SAMPLE

### Note

vocabulary | paraphrasing

The line graph provides information about the **number of individuals engaging in** four types of sports in a specific area from 1985 to 2005.

Overall, while tennis **underwent a surge in** popularity, rugby **experienced a decrease in** participation within this region over time, with basketball and badminton remaining relatively stable. Moreover, the most drastic shift in popularity was witnessed in rugby.

At the start of the period, in 1985, rugby was **the most played sport**, with 240 individuals **participating**, and it significantly **outnumbered** the next sport, tennis, which had only 150 **participants**. Thereafter, the number of people **playing rugby** dropped to 200 in 1995, before plummeting to a 20-year low of 50 in the final year. **This stood in stark contrast to** the rise in the popularity of tennis, which saw a steady increase in **participants** to a peak of about 220 in 2005, making it by far the most played sport at the end of the period.

**Turning to the remaining sports**, in the first year, 80 individuals played basketball, almost 25 more than badminton. Over the following decade, the **participant numbers for** basketball rose to about 90, while those for badminton dropped to a low of 45 in 1995. In the remaining period, these two sports **maintained their popularity**, as the numbers participating **stayed at roughly the same level until** 2005. (223 words)

# Task 2 3/6/2023

If old people are no longer physically, mentally or financially able to look after themselves, younger family members should be legally responsible for supporting them. To what extent do you agree or disagree?

## DISCUSSION

### 1 Idea

Đây là dạng 'To what extent do you agree or disagree', dạng phổ biến nhất trong kì thi IELTS. Bài này chúng mình tập trung tranh luận là nếu người già không còn khả năng (về thể chất/ tài chính) để chăm sóc chính mình, thì **luật pháp nên bắt** buộc người trẻ phải chăm sóc người già.

Mình lưu ý **keyword quan trọng nhất** của bài này là **'legally responsible'**, tức là mình tập trung tranh luận khía cạnh luật pháp quy định, chứ **đừng nhầm sang là 'có nên chăm sóc người già hay không'**.

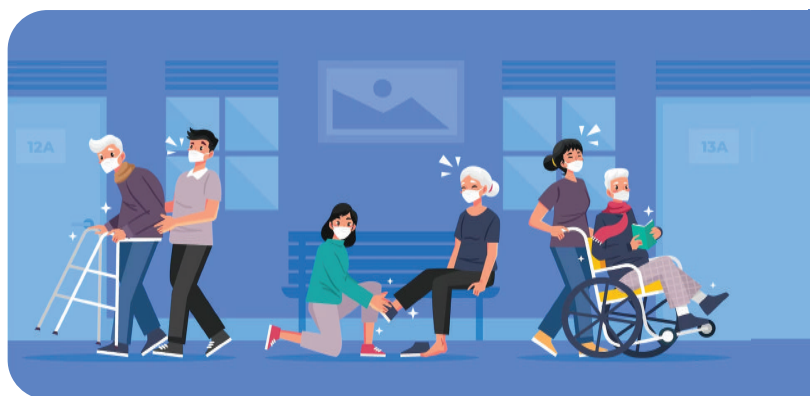
Quan điểm của chúng mình là **'disagree', 'không nên quy định vô luật'**. Để cấu trúc bài essay thể hiện ý 'disagree' thì hơi khó 1 chút. Trong body 1, mình sẽ bàn về 'cái lợi' của việc bắt buộc chăm sóc người già, nhưng 'cái lợi' này không phải là quan điểm của mình, **mình đóng vai 'ngôi thứ 3'**, mình nói 'ah, những người ủng hộ luật pháp quy định chăm sóc người già, họ nghĩ như vậy nè...'. Trong body 2, mình nói 'Nhưng quan điểm của tôi là không nên bắt buộc nha, vì lý do X & Y như này...!'

**Body 1:** Những người ủng hộ việc 'luật pháp quy định việc chăm sóc người già', họ đưa ra lý do là: chăm sóc người già là **truyền thống xã hội, hồi giờ ai cũng làm vậy** (ở xã hội phương Đông).

**Body 2:** Quan điểm của tôi là không ủng hộ ý kiến của đề bài. Lý do là: làm vậy người trẻ sẽ **chăm sóc vì 'nghĩa vụ' chứ không phải vì 'tình thương'**, rồi chính người già sẽ cảm thấy đau khổ. Và hai là, **chính phủ nên đứng ra đảm nhiệm việc chăm người già**, chứ không nên bắt buộc người trẻ phải làm.

**Tại sao body 1 mình phải đóng vai 'ngôi thứ 3'?**

Trong body 1 mình đóng vai ngôi thứ 3 để **tránh mâu thuẫn với body 2**, mình vẫn có thể discuss được idea ngược với quan điểm (trong body 2), nhưng bài essay không bị mâu thuẫn trong lập luận, vì quan điểm ở body 1 là của 'người khác', không phải của mình.



### 2 Phát triển ý

Phát triển ý bài này khó nhất là ở body 1, khi mình chỉ có đúng **1 supporting idea duy nhất là 'truyền thống xã hội'**, làm sao viết cả 1 body chỉ với đúng 1 ý này.

**Body 1** Câu 1 là topic sentence, mình đưa ra **ra lý do là 'traditions and societal norms'**. => Câu 2 bài này khá hiển nhiên mình phải **cho ví dụ**, vì việc chăm sóc người già thường phổ biến hơn ở xã hội phương Đông chúng mình.  
=> Câu 3 là thú vị nhất, đây là 1 cách 'chống bí ý' quan trọng, các bạn hãy nói là **'nếu mà không có X thì sao'**, nếu mà 'không bắt buộc chăm người già thì sao...' => thì có hại là sẽ có 'bất ổn xã hội'. => Câu 4 mình chốt hạ là ở xã hội phương Đông thì có ghi vô luật thì cũng chỉ là **'luật hoá' cái việc mà cả xã hội đang làm rồi**.

**Body 2:** Do có 2 supporting idea nên phần phát triển ý khá đơn giản, ở ý 1 mình đưa ra **'impact'**, tác hại của việc 'luật hoá' chuyện chăm sóc người già. Ở ý 2, mình nói 'chính phủ nên đứng ra lo việc chăm sóc người già'. Phát triển ý bằng cách nói **'chính phủ làm việc đó như thế nào?'** => chính phủ có thể đánh thuế lên người giàu để có tiền lo cho người già.

### 3 Paraphrasing

Người già và người trẻ, mình có thể paraphrase thành:

- younger/older/elder individuals
- Younger/older people
- The elderly / the youth (chỉ toàn bộ giới trẻ)

bắt buộc theo luật', mình có thể diễn đạt thành:

- Be legally mandatory (adj)
- A legal obligation (noun)

# Task 2 3/6/2023



If old people are no longer physically, mentally or financially able to look after themselves, younger family members should be legally responsible for supporting them. To what extent do you agree or disagree?

## 5 Vocabulary

Topic này có rất nhiều cụm hay về 'family' và 'culture', mọi người note học thêm nha.

- Truyền thống xã hội: traditions // societal norms
- Mang trách nhiệm...: carry the responsibility of ...
- Nét văn hoá lâu đời: longstanding cultural practice
- Mang đến sự phản đối (trong giới trẻ): foster resentment (among the youth)
- Hệ thống an sinh xã hội: social welfare system(s)

## SAMPLE

### Note

vocabulary | paraphrasing

Opinions are divided on whether it should be **legally mandatory** for **younger individuals** to take care of **older family members** if **the latter** are unable to do so themselves. Even though this proposition has its merits in certain respects, I believe it presents several problems and thus should not be universally adopted.

Those advocating for this policy justify their rationale with **traditions and societal norms**. In many Eastern countries, like China and Japan, **younger family members** often **carry the responsibility of** caring for the elderly, especially when they are not **physically or mentally capable of** taking care of themselves. this **longstanding cultural practice** has been preserved for generations. **The absence of such norms** could result in **social instability**, with **the elderly** being unwillingly sent to **nursing homes** against their will or left neglected in their homes. A **legal obligation** in this environment would only serve to **reinforce existing community practices**.

However, I do not believe **such an obligation** should be **made universally compulsory**. **Younger people** voluntarily caring for **older individuals** could result in more positive outcomes, particularly in emotional terms. Forcing them to do so could **foster resentment** among **the youth**, and such an attitude may **amplify the feeling of** uselessness among the elderly, cause **mental distress**, and ultimately harm their overall well-being. Governments can **take a more proactive role** in this matter through their **social welfare systems**. Higher taxes should be imposed on individuals with higher incomes to generate more funding for **affordable medical care** and accommodation for those in need, rather than directly involving each member of society in doing so.

In conclusion, despite the fact that **older people** are cared for by **younger members of societies** in many countries, I contend that such decisions should be made on a voluntary basis. The government, through its tax systems, can **provide adequate financial and medical support** for disadvantaged **elderly individuals**. (311 words)



# Task 2 5/6/2023

In many countries, governments should spend more money on supporting the arts. However, others think the government should spend more on health and education. Discuss both these views and give your opinion.

## DISCUSSION

### 1 Idea

**Phân tích đề:** Đây là dạng bài "Discuss both views", với mỗi đoạn body, mình phải đưa ra ý giải thích cho từng view của đề bài:

**1. Nhà nước chỉ cho the arts và 2. Chỉ cho health và education.** Mình sẽ cần đưa ra lập trường là nghiêng về view nào. Lưu ý là về thứ 2 của đề nói rõ là "health" và "education" nên mình sẽ cần đề cập đến chính xác 2 lĩnh vực này khi viết nhé mọi người.

Đề này mình **khó có thể để đồng ý với cả 2 view, vì ngân sách nhà nước là có hạn**, nên sẽ cần chọn ưu tiên chi nhiều hơn cho bên nào. Chúng mình nghĩ là nên đầu tư nhiều hơn cho health và education, nhưng nếu bỏ hẳn không đầu tư arts, thì hơi...kì. Vậy mình có thể chọn một quan điểm **cân bằng hơn** là:

**Body 1:** Đề bài dùng từ **the arts**, nghĩa là **tất cả các loại hình nghệ thuật nói chung**. Mình có thể nói là nhà nước có thể **dành một phần ngân sách để tài trợ cho một số loại hình nhất định** thôi, vì rõ ràng là không phải cái nào chính phủ cũng nên chi tiền. Có rất nhiều thứ khối **tư nhân có thể tự lo**, ví dụ vui một chút như nhạc Rap chẳng hạn, rapper BinZ hay Đen Vâu thì không cần chính phủ trợ cấp tiền để hoạt động. Nhưng những **nghệ sĩ Nhã nhạc cung đình Huế, ca trù, cải lương thì có lẽ là cần**, vì thu nhập từ khán giả không nhiều.

**Body 2:** Đoạn này dễ hơn, chi nhiều hơn cho health và education thì có nhiều cái lợi hơn, mọi người có giáo dục và sức khỏe tốt thì: 1. Xã hội sẽ công bằng hơn & 2. Lực lượng lao động sẽ tốt hơn, phát triển nền kinh tế.

### 2 Phát triển ý

Phần phát triển ý thường sẽ khiến mình mất thời gian nhất.

**Body 1:** Sau câu 1 là topic sentence (chỉ một vài types of art nên được chính phủ trợ cấp) => Câu 2 chỉ rõ ra loại hình nghệ thuật nào cần được trợ cấp (represent a nation's culture and history)



=> Câu 3 này mình cần đưa ra **ví dụ** nhé mọi người, để làm rõ là loại hình nghệ thuật cụ thể loại hình nghệ thuật cụ thể nào, và ngân sách nhà nước đã giúp được gì => **Câu 4** sẽ là key ở body 1, mình dùng từ nối 'However, ..' => **trình bày quan điểm cá nhân là 'Tuy nhiên, những loại hình nghệ thuật khác ví dụ abc thì không cần hỗ trợ từ nhà nước'.**

**Body 2:** Câu 1 là topic sentence, nói rõ là mình đồng ý với việc nhà nước chi nhiều tiền hơn cho health và education.

Câu 2 và Câu 3 lần lượt mình sẽ nói về cái lợi của đầu tư vào y tế vào giáo dục. Câu 4 sẽ bàn về cái lợi của y tế & giáo dục về mặt phát triển kinh tế nhen.

### 3 Paraphrasing

Đọc đề bài này thì chắc ngay lập tức mình sẽ thấy từ bị lặp là "chi tiền cho": spend money on sth, và tất nhiên là arts / health / education. Mình tránh lặp bằng cách dùng từ đồng nghĩa, hoặc paraphrase bằng cách 'mô tả' từ đó ra nha.

Một số cách để nói về hành động nhà nước chi tiền:

'bắt buộc theo luật', mình có thể diễn đạt thành:

- allocate budgets to sth/to doing sth: phân bổ ngân sách
- invest (sth) in sth: đầu tư cho thứ gì
- channel funding to: gửi tiền/ "rót" tiền cho thứ gì đó
- provide financial support / backing: cung cấp hỗ trợ về tài chính ➡
- devote sth to sth



## Task 2 5/6/2023

In many countries, governments spend more money on supporting the arts. However, others think the government should spend more on health and education. Discuss both these views and give your opinion.

### → Paraphrasing

Một số cách để diễn đạt ý art / health:

- art forms / types of art: loại hình nghệ thuật
- medical services
- medical facilities (cơ sở vật chất y tế)

### 5 Vocabulary

Một số từ/ cụm từ thường dùng:

- đại diện cho thứ gì đó: represent sth (represent a nation's culture and history)
- bản sắc văn hoá: cultural identity
- bảo tồn di sản văn hoá: protect the cultural heritage of...
- nghệ thuật trình diễn hoặc mỹ thuật đương đại: contemporary performing or visual arts
- hạ tầng cho y tế và giáo dục: medical and educational infrastructure



### SAMPLE

#### Note

vocabulary | paraphrasing

Opinions differ on whether governments should **channel more funding into** supporting arts or improving healthcare and educational systems. I believe that the latter **is of greater significance** to most countries, although a certain proportion of the public budget should be **reserved for** a select few art forms.

Not all, but certain particular types of art should be supported by **state budgets**. **Art forms** that **represent a nation's culture and history**, thereby educating citizens about their **cultural identity**, are essential. For example, thanks to the financial support from local authorities, many **forms of folk music** in Vietnam have now been **rediscovered and revived, protecting the cultural heritage** of our nation. However, for certain creative sectors, such as **contemporary performance or visual arts** that would be better off privately funded, it would be more reasonable for governments to offer support through other means, such as supportive policies.

On the other hand, governments should **allocate more of their budgets to** improving **medical and educational infrastructure** in order to **promote the development of society**. Healthcare in particular is crucial because building more hospitals and better medical facilities, especially in **less developed regions**, helps ensure equal access to medical services for all citizens. Moreover, national educational systems require considerable **financial backing from the state**, particularly in remote areas, in order for disadvantaged children to have **adequate educational opportunities** and brighter futures. Without enough investment in these two sectors, a nation would likely suffer economically due to lacking a **robust and well-educated workforce**.

In conclusion, while investment in the arts is beneficial, it should be concentrated primarily on **traditional arts with cultural and historical significance**. Accordingly, governments should **devote a larger portion of their budgets to** education and healthcare. (283 words)

# Task 2 9/6/2023

Some people think that the main benefit of international cooperation is protection of the environment. Others believe the main benefit is the world of business. Discuss both views and give your opinion.

## DISCUSSION

### 1 Idea

**Phân tích đề:** Đây cũng là dạng đề Discuss both views, đề hỏi là lợi chính của việc hợp tác quốc tế là **vì môi trường**, hay vì **lợi ích kinh doanh**. Thật sự mình chọn **ngiên hân về cái nào cũng không hợp lý**, vì môi trường là vấn đề **toàn cầu** (ví dụ như biến đổi khí hậu), nếu môi trường mà tệ đi thì kinh tế cũng sẽ không tốt. Còn lại hợp tác quốc tế để giao thương mua bán thì nó quá hiển nhiên rồi, giúp **kinh tế phát triển xoá đói giảm nghèo** (Việt Nam mình chẳng hạn, nền kinh tế của mình phụ thuộc rất lớn vào hoạt động xuất nhập khẩu).

Do không thể nghiêng hẳn về bên nào, nên chúng mình chọn là **cả 2 đều quan trọng**:

**Body 1:** Mình tập trung giải thích là tại sao hợp tác quốc tế giúp bảo vệ môi trường? Vì nhiều vấn đề môi trường nó mang tính toàn cầu, các nước phải hợp tác mới xử lý được (pollution / climate change) => môi trường giúp đảm bảo sự phát triển bền vững/ dài hạn.

**Body 2:** Tại sao hợp tác quốc tế có lợi cho kinh tế? Hợp tác quốc tế giúp tăng cường giao thương, các nước mở rộng thị trường và có thêm vốn đầu tư.



### 2 Phát triển ý

**Body 1:** Câu 1 là topic sentence không có gì đặc biệt. => Câu 2 mình đưa **fact** là **thế giới đang đối mặt nhiều vấn đề môi trường mang tính toàn cầu**. Câu 3 do có nhiều vấn đề vậy nên **cần hợp tác** => các nước chia sẻ cách làm hay, chia sẻ kết quả nghiên cứu (collaborate on environmental research and share best practices), hoặc có những thoả thuận chung (reach international agreements) => Câu 4 đưa ra hệ quả là nếu **collab toàn cầu vậy thì có lợi gì**.

**Body 2:** Câu 1 cũng vẫn topic sentence đơn giản thôi nhen => Câu 2 & 3 lần lượt mình sẽ đưa ra cái lợi của hợp tác kinh tế quốc tế => Câu 4 sẽ là ví dụ về các nước hưởng lợi từ sự hợp tác này.

### 3 Paraphrasing

Bài này mình sẽ lặp khá nhiều lần ý 'hợp tác quốc tế', đầu tiên thì sẽ lặp từ international cooperation rồi nè, ngoài ra mình có thể diễn đạt là

- Coordinated efforts
- Collaborate on sth
- Multinational initiatives: các sáng kiến quốc tế (mình lưu ý về bối cảnh để dùng từ này nha)

### 5 Vocabulary

Một số cách diễn đạt trong bài mình có thể học thêm là

- Xuyên biên giới, vượt qua khỏi ranh giới quốc gia: transcend national boundaries
- Chia sẻ cách làm hay: share (best) practices
- Đạt được thoả thuận quốc tế: reach international agreements
- Phát triển bền vững: sustainable development
- Thúc đẩy phát triển kinh tế: foster economic growth

# Task 2

9/6/2023

Some people think that the main benefit of international cooperation is protection of the environment. Others believe the main benefit is in the world of business. Discuss both views and give your opinion.

## SAMPLE

### Note

vocabulary | paraphrasing

Opinions are divided on whether the main benefit of **international cooperation** is found in environmental protection or the global economy. I think that increased collaboration between nations can result in both, as **countries hold both in equal regard**.

On the one hand, the significance of **international cooperation** in protecting the environment is too great to ignore. As the world is facing increasing environmental issues that **transcend national boundaries**, like pollution and climate change, no single country can deal with them alone. Hence, there is a great need for **coordinated efforts**, through which many countries with a range of expertise can collaborate on environmental research and **share best practices**, and even **reach international agreements**. This can aid in protecting critically endangered species and **conserving biodiversity**, which leads to a more **sustainable environment** around the world.



On the other hand, it is undeniable that **multinational initiatives** also benefit the world of business. In fact, in today's globalized economy, cooperation is one of the main factors that facilitates trade, removes barriers and **fosters economic growth**. In other words, by promoting free trade, countries can have access to new markets, and attract foreign investment, which in turn, leads to innovation and **technological advancement**. For instance, developing countries like China, Vietnam and other Southeast Asian countries are developing at a lightning-fast pace, bringing benefits to both themselves and other countries involved.

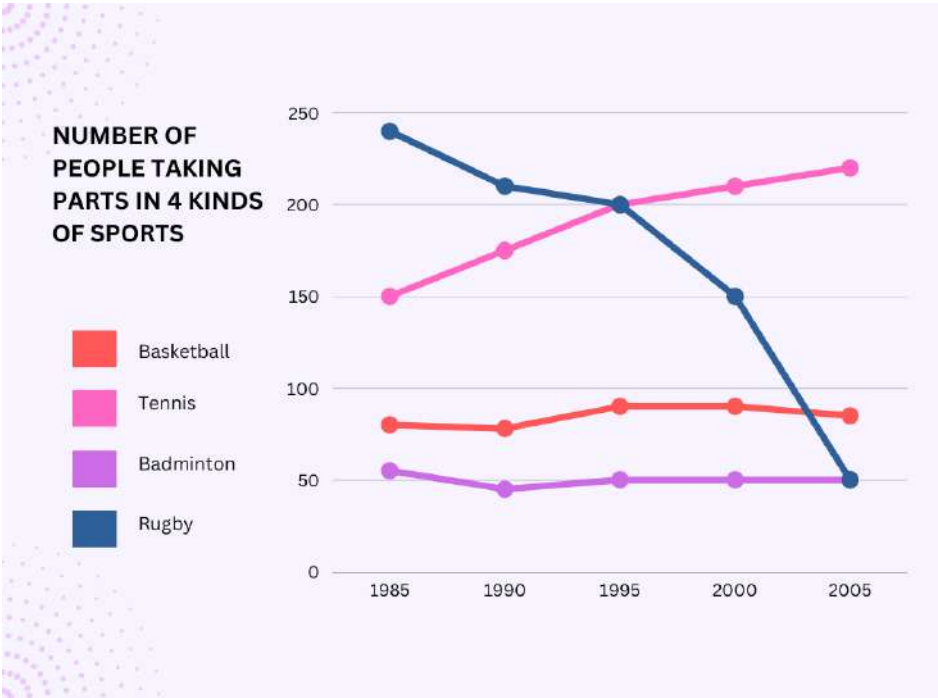
In conclusion, while **international cooperation** plays a vital role in **addressing global environmental challenges**, it also **paves the way for** economic growth and free trade among nations. The emphasis on these two aspects helps ensure both short-term and long-term development of human society and the global economy.



WRITING TASK 1

Task 1: The graph shows the number of people taking parts in 4 kinds of sports in a particular region between 1985 and 2005.

Đã chú thích [1]: Surely this should be school



### Your answer

The line graph provides information about the number of individuals engaging in four types of sports in a specific area from 1985.

Overall, while tennis underwent a surge in popularity, rugby experienced a decrease in participation within this region over time, with the other two sports remaining relatively stable. Moreover, the most drastic shift in popularity was witnessed in rugby.

To start, in 1985, rugby was the most played sport, with 240 individuals participating, which significantly outnumbered the next sport, tennis, which had only 150 participants. Thereafter, the number of people playing rugby dropped to 200 in 1995, before plummeting to an all-time low of 50 in the final year. This stood in stark contrast to the rise of tennis, which saw a steady increase in participants to a peak of about 220 in 2005, making it the most played sport by the end of the period.

Turning to the remaining sports, in the first year, basketball had 80 players, almost 25 more than badminton. Over the following decade, the figures for basketball rose to about 90, while those for badminton dropped to a low of 45 in 1995. In the remaining period, these two sports maintained their popularity, as participant numbers stayed at the same level until 2005.

OVERALL BAND SCORE 8 8+8+8+8

TA – Task Achievement nb – GRA and LR errors have not been corrected

Band score 8

This is a badly designed and very easy question. Apart from the numbers being ridiculous – you’d get similar numbers in a school – they missed the opportunity to challenge candidates with collocation usage in different sports, like swimming/athletics, neither of which you “play”.

The overview is clear.

You covered the requirements of the task.

All the key features and details are given clearly with sufficient detail and accuracy.

Minor inaccuracies limit your score to 8 for TA.

▪ covers all requirements of the task sufficiently

Band score 8 TA

▪ presents, highlights and illustrates key features/bullet points clearly and appropriately

Band score 8 TA

#### RECOMMENDED LAYOUT FOR TASK 1 ANSWERS

- Write an introduction paraphrasing the information provided. If possible, change the structure from a noun phrase to a noun clause (change *the chart gives information about the number of* to *the chart shows how many [...]* ).
- Write a clear overview of the main trends, differences, and stages. If there are trends and differences (ie if there are changes over time), give some information about both. If there are only differences, as in questions with no time scale, provide differences of more than one type.
- Put the overview after the introduction in a separate paragraph. Don’t hide it in the introduction or at the end, as it’s the first thing the examiner looks for.
- Separate your paragraphs with blank lines. It looks better and there can be no doubt that it is a new paragraph.
- Write one or more paragraphs about the information itself and organise it logically. Use signposting phrases to show your organisation to the examiner. Eg *Looking first at the most popular reasons, [...]*
- It’s not necessary to write a conclusion, because you’ve already given the information in an overview.

The line graph provides information about the number of individuals engaging in four types of sports in a specific area from 1985 to 2005.

Đã chú thích [2]: Good introduction

Overall, while tennis underwent a surge in popularity, rugby experienced a decrease in participation within this region over time, with the other two sports remaining relatively stable. Moreover, the most drastic shift in popularity was witnessed in rugby.

Đã chú thích [3]: I'd name them here

Đã chú thích [4]: Clear overview

To start, in 1985, rugby was the most played sport, with 240 individuals participating, which significantly outnumbered the next sport, tennis, which had only 150 participants. Thereafter, the number of people playing rugby dropped to 200 in 1995, before plummeting to an all-time low of 50 in the final year. This stood in stark contrast to the rise of tennis, which saw a steady increase in participants to a peak of about 220 in 2005, making it the most played sport by the end of the period.

Đã chú thích [5]: This is by far the most obvious feature in the chart, so I'd mention it first.

Đã chú thích [6]: We don't know this – we only know what happened in the 20-year period

Turning to the remaining sports, in the first year, basketball had 80 players, almost 25 more than badminton. Over the following decade, the figures for basketball rose to about 90, while those for badminton dropped to a low of 45 in 1995. In the remaining period, these two sports maintained their popularity, as participant numbers stayed at the same level until 2005.

Đã chú thích [7]: Information is summarised accurately and clearly

#### **C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected**

##### **Band score 8**

Be careful with *the figure*. See the table below.

The organisation is clear and logical.

- sequences information and ideas
- logically

##### **Band score 8 C&C**

The use of cohesive devices and referencing is accurate throughout.

- manages all aspects of cohesion well

##### **Band score 8 C&C**

- uses paragraphing sufficiently and appropriately

##### **Band score 8 C&C**

#### **CORRECT USE OF THE FIGURE**

**Be careful with the use of the word figure. Technically, a figure cannot rise or fall.**

**Here are some correct uses. Note the prepositions**

With regard to the university receiving the most applications, the NEU received the highest number from both men and women, with figures of 1,200 and 1,100 respectively

Nuclear power and hydro produced less, with respective figures of 15 and 5 units

Finally, both Sweden and Denmark saw falls in sales, with respective figures of €1 and €0.9 million.

With regard to food and drink, including tobacco products, both the Irish and Turks spent around 30% of their national expenditure on these products, while the figures for Italy, Spain, and Sweden stood at between 15% and 19%.

As far as leisure and education are concerned, Turkish people spent the most on these services, at just under 5%, which was higher than in people in Sweden and Italy, where the figures were closer to 3%.

Meanwhile, both rail and air accounted for around 40MTA, while the figure for shipping by pipeline was just around 5MTA.

With regard to commuting, on average men made 300 occasions, while the figure for women was around 225.

Beef was the most popular meat in 1970, as nearly 220 grams was consumed by the typical person, and after that, this figure consumption declined steadily and [...]

Meanwhile, both rail and air accounted for around 40MTA, while the figure for shipping by pipeline was just around 5MTA.

Turning first to students' rating for the quality of teaching, 65 students rated it as good in 2000. This figure The level of satisfaction fell to 63 in 2005 before ending the period higher at 69 in the last questionnaire.

In 2000, 32 gave it a good rating but this figure their approval dropped to 30 in the second survey and a further decrease was seen in the last survey when it stood at 27.

Đã chú thích [8]: I might be being pedantic, but figures can't change

The line graph provides information about the number of individuals engaging in four types of sports in a specific area from 1985.

Overall, while tennis underwent a surge in popularity, rugby experienced a decrease in participation within this region over time, with the other two sports remaining relatively stable. Moreover, the most drastic shift in popularity was witnessed in rugby.

Đã chú thích [9]: Better: basketball and badminton

To start, in 1985 At the start of the period, rugby was the most played sport, with 240 individuals participating, which significantly outnumbered the next sport, tennis, which had only 150 participants. Thereafter, the number of people playing rugby dropped to 200 in 1995, before plummeting to an all-time low of 50 in the final year. This stood in stark contrast to the rise of tennis, which saw a steady increase in participants to a peak of about 220 in 2005, making it by far the most played sport by the end of the period.

Đã chú thích [10]: Not a correct signposting phrase

Turning to the remaining sports, in the first year, basketball had 80 players, almost 25 more than badminton. Over the following decade, the participant numbers figures for basketball rose to about 90, while those for badminton dropped to a low of 45 in 1995. In the remaining period, these two sports maintained their popularity, as participant numbers stayed at roughly the same level until 2005.

Đã chú thích [11]: Better with this – it's more than twice as popular as any other sport

Đã chú thích [12]: The numbers participating

**LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected.**

**Band score 8**

Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, and with only minor inaccuracies, which is good for a band score 8

▪ uses a wide range of vocabulary fluently and flexibly to convey precise meanings

**Band score 8 LR**

▪ skilfully uses uncommon lexical items but there may be occasional inaccuracies in word choice and collocation

**Band score 8 LR**

▪ produces rare errors in spelling and/or word formation

**Band score 8 LR**

The line graph provides information about the number of individuals engaging in four types of sports in a specific area from 1985.

Overall, while tennis underwent a surge in popularity, rugby experienced a decrease in participation within this region over time, with the other two sports remaining relatively stable. Moreover, the most drastic fall in popularity was witnessed in rugby.

To start, in 1985, rugby was the most played sport, with 240 individuals participating, which significantly outnumbered the next sport, tennis, which had only 150 participants. Thereafter, the number of people playing rugby dropped to 200 in 1995, before plummeting to a 20-year low of 50 in the final year. This stood in stark contrast to the rise in the popularity of tennis, which saw a steady increase in participants to about 220 in 2005, making it the most played sport at the end of the period.

Turning to the remaining sports, in the first year, basketball had 80 players, almost 25 more than badminton. Over the following decade, the figures for basketball rose to about 90, while those for badminton dropped to a low of 45 in 1995. In the remaining period, these two sports maintained their popularity, as participant numbers stayed almost unchanged until 2005.

**Đã chú thích [13]:** I don't see the point in experimenting with synonyms for fall. Shift does not imply fall; it implies a change from one sport to another and in this case we don't know what former rugby players did.

**Đã chú thích [14]:** See C&C

**Đã chú thích [15]:** I wouldn't use peak because we don't know what happened next

**GRA - Grammatical range and accuracy** nb Some LR errors have not been corrected

**Band score 8**

Grammar is used accurately with relatively few errors and a wide range of structures, which should be good for a band score 8.

- makes only very occasional errors or inappropriacies

**Band score 8 GRA**

- uses a wide range of structures

**Band score 8 GRA**

- the majority of sentences are error-free

**Band score 8 GRA**

The line graph provides information about the number of individuals engaging in four types of sports in a specific area from 1985.

Overall, while tennis underwent a surge in popularity, rugby experienced a decrease in participation within this region over time, with the other two sports remaining relatively stable. Moreover, the most drastic shift in popularity was witnessed in rugby.

To start, in 1985, rugby was the most played sport, with 240 individuals participating, and it significantly outnumbered the next sport, tennis, which had only 150 participants. Thereafter, the number of people playing rugby dropped to 200 in 1995, before plummeting to an all-time low of 50 in the final year. This stood in stark contrast to the rise of tennis, which saw a steady increase in participants to a peak of about 220 in 2005, making it the most played sport by the end of the period.

Turning to the remaining sports, in the first year, 80 individuals played basketball, almost 25 more than badminton. Over the following decade, the figures for basketball rose to about 90, while those for badminton dropped to a low of 45 in 1995. In the remaining period, these two sports maintained their popularity, as participant numbers stayed at the same level until 2005.

**Đã chú thích [16]:** Which refers to whatever precedes and you want it to refer to rugby

**Đã chú thích [17]:** This is the most obvious way of giving the figure

**OVERALL BAND SCORE**      **8**      **8+8+8+9**

[SEE BELOW C&C LR GRA](#)    [MODEL ANSWER](#)

**WRITING TASK 2**

You should spend about 40 minutes on this task.

Write about the following topic:

*If old people are no longer physically, mentally or financially able to look after themselves, younger family members should be legally responsible for supporting them.*

*To what extent do you agree or disagree?*

Give reasons for your answer and include any relevant examples from your own knowledge or experience.

Write at least 250 words.

#### **Original answer -**

Opinions are divided on whether it should be legally mandatory for younger individuals to take care of older family members if the latter are unable to do so themselves. Even though this proposition has its merits in certain respects, I believe it presents several issues and thus should not be universally adopted.

Those advocating for elder care justify their rationale with traditions and societal norms. In many Eastern countries, like China and Japan, younger family members often carry the responsibility of caring for the elderly, especially when they are not physically or mentally capable of taking care of themselves. This longstanding cultural practice has been preserved for generations. The absence of such norms could result in social instability, with the elderly being unwillingly sent to nursing homes against their will or left neglected in their homes. A legal obligation in this environment would only serve to reinforce existing community practices.

However, I do not believe such an obligation should be made universally compulsory. Younger people voluntarily caring for older individuals could result in more positive outcomes, particularly in emotional terms. Forcing them to do so could foster resentment among the youth, and such an attitude may amplify the feeling of uselessness among the elderly, cause mental distress, and ultimately harm their overall well-being. Governments can take a more proactive role in this matter through their social welfare systems. Higher taxes should be imposed on individuals with higher incomes to generate more funding for affordable medical care and accommodation to those in need, rather than directly involving each member of society in doing so.

In conclusion, despite the fact that older people are cared for by younger members of societies in many countries, I contend that such decisions should be made on a voluntary basis. The government, through their tax systems, can provide adequate financial and medical support for disadvantaged elderly individuals.

In conclusion, the lack of job opportunities and societal prejudice against criminals can contribute to their re-offending after release. However, I contend that effective social welfare and educational programs can play a crucial role in addressing these issues.

OVERALL BAND SCORE 8 8+8+8+9

**TR – Task Response nb – GRA and LR errors have not been corrected**

**Band score 8**

You mentioned young people, but the question says younger family members, which is not the same thing.

Your proposed solution would be a very expensive one in the long term, especially as aging populations are rising.

Nevertheless, it's a well-developed response.

You have a clear position throughout and all parts of the question are addressed.

Your position is coherent and well-argued.

The ideas are relevant, extended and there are no contradictions.

- sufficiently addresses all parts of the task
- presents a well-developed response to the question with relevant, extended and supported ideas

**Band score 8 TR**

ADVICE ON BRAINSTORMING FOR TASK 2

As you're planning and writing your answer, remember to constantly ask yourself if you're answering the question. Check back to the question a few times as you think of ideas to make sure they're directly relevant.

- Make sure your introduction directly addresses the question.
- Make sure your ideas address all parts of the question. If the question asks for solutions, in the plural, you must suggest at least 2.
- Make sure your main ideas, as stated in the first sentence of the main body paragraphs, are directly relevant to the question.
- Make sure your supporting ideas, which follow the main ideas in the main body paragraphs, directly support the main idea.
- Make sure your supporting ideas are developed, which means there should be more information in the form of evidence, reasons, and/or examples.

- Very often, the optimum number of supporting ideas is 2. This allows you to develop your ideas and your less likely to have isolated, unsupported ideas that could get you a 6 for TR. “some may be undeveloped/unclear” – band score 6 TR.
- Be especially careful if you’ve answered similar question before, as there will always be important differences.
- Make sure your conclusion directly answers the question, that it is consistent with the ideas in the main bodies, and that it does not contradict the introduction.

Opinions are divided on whether it should be legally mandatory for younger individuals to take care of older family members if the latter are unable to do so themselves. Even though this proposition has its merits in certain respects, I believe it presents several issues and thus should not be universally adopted.

Those advocating for elder care justify their rationale with traditions and societal norms. In many Eastern countries, like China and Japan, younger family members often carry the responsibility of caring for the elderly, especially when they are not physically or mentally capable of taking care of themselves. This longstanding cultural practice has been preserved for generations. The absence of such norms could result in social instability, with the elderly being unwillingly sent to nursing homes against their will or left neglected in their homes. A legal obligation in this environment would only serve to reinforce existing community practices.

However, I do not believe such an obligation should be made universally compulsory. Younger people voluntarily caring for older individuals could result in more positive outcomes, particularly in emotional terms. Forcing them to do so could foster resentment among the youth, and such an attitude may amplify the feeling of uselessness among the elderly, cause mental distress, and ultimately harm their overall well-being. Governments can take a more proactive role in this matter through their social welfare systems. Higher taxes should be imposed on individuals with higher incomes to generate more funding for affordable medical care and accommodation to those in need, rather than directly involving each member of society in doing so.

In conclusion, despite the fact that older people are cared for by younger members of societies in many countries, I contend that such decisions should be made on a voluntary basis. The government, through their tax systems, can provide adequate financial and medical support for disadvantaged elderly individuals.

**Đã chú thích [18]:** Good introduction with a clear position

**Đã chú thích [19]:** Unclear phrase

**Đã chú thích [20]:** good main idea, but there is not tradition of mandating it

**Đã chú thích [21]:** what kind of social instability – you mean like this?

**Đã chú thích [22]:** it's not really social instability; it's just a personal tragedy

**Đã chú thích [23]:** Relevant supporting ideas

**Đã chú thích [24]:** Good main idea

**Đã chú thích [25]:** Probably not young people in most cases

**Đã chú thích [26]:** Surely you mean family members – not total strangers

**Đã chú thích [27]:** You mean young people, but the question is not about young people

**Đã chú thích [28]:** This sounds like an incredibly expensive solution. Perhaps care-givers could be recognised as such and get some form of social security payment

**Đã chú thích [29]:** Relevant supporting ideas

**Đã chú thích [30]:** Good conclusion, consistent with the main ideas

## C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected

### **Band score 8**

The organisation is excellent and easy to follow.

The paragraphs have a natural flow of ideas and clear central topics. Use of cohesive devices with only minor errors.

The paragraphs have a natural flow which is characteristic of high band score answer.

- uses paragraphing sufficiently and appropriately

**Band score 8 C&C**

- sequences information and ideas
- logically

**Band score 8 C&C**

- manages all aspects of cohesion well

**Band score 8 C&C**

Opinions are divided on whether it should be legally mandatory for younger individuals to take care of older family members if the latter are unable to do so themselves. Even though this proposition has its merits in certain respects, I believe it presents several issues and thus should not be universally adopted.

Those advocating for this policy justify their rationale with traditions and societal norms. In many Eastern countries, like China and Japan, younger family members often carry the responsibility of caring for the elderly, especially when they are not physically or mentally capable of taking care of themselves. this longstanding cultural practice has been preserved for generations. The absence of such norms could result in social instability, with the elderly being unwillingly sent to nursing homes against their will or left neglected in their homes. A legal obligation in this environment would only serve to reinforce existing community practices.

**Đã chú thích [31]:** Good

However, I do not believe such an obligation should be made universally compulsory. Younger people voluntarily caring for older individuals could result in more positive outcomes, particularly in emotional terms. Forcing them to do so could foster resentment among the youth, and such an attitude may amplify the feeling of uselessness among the elderly, cause mental distress, and ultimately harm their overall well-being. Governments can take a more proactive role in this matter through their social welfare systems. Higher taxes should be imposed on individuals with higher incomes to generate more funding for affordable medical care and accommodation to those in need, rather than directly involving each member of society in doing so.

**Đã chú thích [32]:** Good topic sentence

**Đã chú thích [33]:** Good

In conclusion, despite the fact that older people are cared for by younger members of societies in many countries, I contend that such decisions should be made on a voluntary basis. The government, through its tax systems, can provide adequate financial and medical support for disadvantaged elderly individuals.

**LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected**

**Band score 8**

It's probably ok for an 8, but the phrase *for elder care* puts that in jeopardy.  
Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, and with only minor inaccuracies, which is good for a band score 8.

▪ uses a wide range of vocabulary fluently and flexibly to convey precise meanings

**Band score 8 LR**

▪ skilfully uses uncommon lexical items but there may be occasional inaccuracies in word choice and collocation

**Band score 8 LR**

▪ produces rare errors in spelling and/or word formation

**Band score 8 LR**

Opinions are divided on whether it should be **legally mandatory** for younger individuals to take care of older family members if the latter are unable to do so themselves. Even though this proposition has its merits in certain respects, I believe it presents several **problems** and thus should not be universally adopted.

Those advocating **for elder care** justify their rationale with traditions and societal norms. In many **Eastern** countries, like China and Japan, younger family members often carry the responsibility of caring for the elderly, especially when they are not physically or mentally capable of taking care of themselves. This longstanding cultural practice has been preserved for generations. The absence of such norms could result in **serious hardship**, with the elderly being unwillingly sent to nursing homes against their will or left neglected in their homes. A legal obligation in this environment would only serve to reinforce existing community practices.

However, I do not believe such an obligation should be made **compulsory**. Younger people voluntarily caring for older **family members** could result in more positive outcomes, particularly in emotional terms. Forcing them to do so could foster resentment among the youth, and such an attitude may amplify the feeling of uselessness among the elderly, cause mental distress, and ultimately harm their overall well-being. Governments can take a more proactive role in this matter through their social welfare systems. Higher taxes should be imposed on individuals with higher incomes to generate more funding for affordable medical care and accommodation **for** those in need, rather than directly involving each **family members** in doing so.

In conclusion, despite the fact that older people are cared for by younger **family** members in many countries, I contend that such decisions should be made on a voluntary basis. The government,

**Đã chú thích [34]:** Legally required

**Đã chú thích [35]:** Much better collocation.  
Besides  
A problem is something that needs to be resolved, or something that is a barrier to success, and something that is negative.  
An issue is a topic, a matter, a subject of debate. The two are similar but different.  
Freezing fog is a problem but inflation is a political issue.

**Đã chú thích [36]:** not a meaningful phrase  
See C&C

**Đã chú thích [37]:** Better: Asian

**Đã chú thích [38]:** better without this

through their tax systems, can provide adequate financial and medical support for disadvantaged elderly individuals.

**GRA - Grammatical range and accuracy** nb Some LR errors have not been corrected

**Band score 9**

Grammar is used accurately in a wide variety of structures, which should be good for a band score 9.

Punctuation is used correctly throughout.

Appropriate structures are used throughout.

- uses a wide range of structures with full flexibility and accuracy; rare minor errors occur only as 'slips'

**Band score 9 GRA**

Opinions are divided on whether it should be legally mandatory for younger individuals to take care of older family members if the latter are unable to do so themselves. Even though this proposition has its merits in certain respects, I believe it presents several issues and thus should not be universally adopted.

Those advocating for elder care justify their rationale with traditions and societal norms. In many Eastern countries, like China and Japan, younger family members often carry the responsibility of caring for the elderly, especially when they are not physically or mentally capable of taking care of themselves. This longstanding cultural practice has been preserved for generations. The absence of such norms could result in social instability, with the elderly being unwillingly sent to nursing homes against their will or left neglected in their homes. A legal obligation in this environment would only serve to reinforce existing community practices.

Đã chú thích [39]: See C&C

However, I do not believe such an obligation should be made universally compulsory. Younger people voluntarily caring for older individuals could result in more positive outcomes, particularly in emotional terms. Forcing them to do so could foster resentment among the youth, and such an attitude may amplify the feeling of uselessness among the elderly, cause mental distress, and ultimately harm their overall well-being. Governments can take a more proactive role in this matter through their social welfare systems. Higher taxes should be imposed on individuals with higher incomes to generate more funding for affordable medical care and accommodation to those in need, rather than directly involving each member of society in doing so.

In conclusion, despite the fact that older people are cared for by younger members of societies in many countries, I contend that such decisions should be made on a voluntary basis. The government, through their tax systems, can provide adequate financial and medical support for disadvantaged elderly individuals.